

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung được đăng tải trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bắc Kạn tại chuyên mục “DANH MỤC TTHC” tại địa chỉ: [dichvucong.backan.gov.vn](http://dichvucong.backan.gov.vn).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính của danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như Điều 4 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Đăng Bình*  
**Nguyễn Đăng Bình**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ**  
**THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH BẮC KẠN**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
1	1.001806.000.00.00.H03	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	<p>- Nghị định số 42/2025/NĐ-CP ngày 27/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế (Nghị định 42/2025/NĐ-CP);</p> <p>- Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (Nghị định 45/2025/NĐ-CP).</p>	Sở Y tế
2	2.000216.000.00.00.H03	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		UBND tỉnh; Sở Nội vụ
3	2.000144.000.00.00.H03	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
4	2.000062.000.00.00.H03	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Y tế		Sở Y tế
5	2.000135.000.00.00.H03	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		
6	2.000056.000.00.00.H03	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
7	2.000051.000.00.00.H03	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Y tế	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	Sở Y tế
8	1.012991.000.00.00.H03	Cấp (mới) giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội		
9	1.012992.000.00.00.H03	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội		
10	1.012993.000.00.00.H03	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài		
11	1.012990.000.00.00.H03	Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội		Đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>			
1	2.000025.000.00.00.H03	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	Sở Y tế
2	2.000027.000.00.00.H03	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
3	2.000032.000.00.00.H03	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
4	2.000036.000.00.00.H03	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân		
5	1.000091.000.00.00.H03	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, HUYỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
1	2.000286.000.00.00.H03	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	Sở Y tế; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội
2	2.000282.000.00.00.H03	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện		UBND cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội; UBND cấp xã/ Công an cấp xã
3	2.000477.000.00.00.H03	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện		UBND cấp huyện; Cơ sở trợ giúp xã hội
<b>C</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
1	1.001776.000.00.00.H03	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện; UBND cấp xã
2	1.001758.000.00.00.H03	Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
3	1.001753.000.00.00.H03	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện; UBND cấp xã
4	1.001731.000.00.00.H03	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội		UBND cấp huyện
5	2.000777.000.00.00.H03	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc		UBND cấp huyện; UBND cấp xã
6	2.000744.000.00.00.H03	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng		UBND cấp huyện
7	1.001739.000.00.00.H03	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp		
8	1.000684.000.00.00.H03	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Y tế cấp		
9	2.000298.000.00.00.H03	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Y tế		
10	2.000294.000.00.00.H03	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế		
11	1.000669.000.00.00.H03	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế		

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</b>			
1	2.001661.000.00.00.H03	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	UBND cấp huyện; UBND cấp xã
<b>D</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>			
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Bảo trợ xã hội</b>			
1	1.001699.000.00.00.H03	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	- Nghị định 42/2025/NĐ-CP; - Nghị định 45/2025/NĐ-CP.	UBND cấp xã
2	1.001653.000.00.00.H03	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
3	2.000355.000.00.00.H03	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		
4	2.000751.000.00.00.H03	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		UBND cấp xã

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số thủ tục hành chính <sup>1</sup>	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>A</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>			
1	2.000141.000.00.00.H03	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
2		Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
<b>B</b>	<b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN</b>			
1	2.000291.000.00.00.H03	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội
2		Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội		

<sup>1</sup> Một số TTHC không tìm thấy mã số TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia